

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ Phát triển đất tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27/11/2023;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất;

Căn cứ Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2025 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về hợp nhất Quỹ Phát triển đất tỉnh Bình Định và Quỹ Phát triển đất tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) thành Quỹ Phát triển đất tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc thành lập Quỹ Phát triển đất tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh tại Tờ trình số 10/TTr-QĐTPT ngày 27/11/2025; ý kiến tham gia của Sở Tài chính tại Văn bản số 5067/STC-QLNS ngày 21/11/2025, Sở Nội vụ tại Văn bản số 4164/SNV-TCBC ngày 27/11/2025 và Sở Tư pháp tại Văn bản số 1800/STP-NV1 ngày 26/11/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ Phát triển đất tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Giao Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ Phát triển đất tỉnh chỉ đạo, điều hành hoạt động Quỹ theo đúng quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 26/3/2018 của UBND tỉnh ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Bình Định và Quyết định số 4949/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 26/3/2018 của UBND tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tư pháp; Hội đồng quản lý Quỹ; Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ; Giám đốc Quỹ Phát triển đất tỉnh; Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP TH;
- Lưu: VT, T6, T4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Gia Lai

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh Gia Lai)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Điều lệ này quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động và cơ chế tài chính Quỹ Phát triển đất tỉnh Gia Lai.
- Điều lệ này áp dụng đối với:
 - Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ Phát triển đất tỉnh Gia Lai.
 - Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai (đơn vị nhận ủy thác).
 - Tổ chức được ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất tỉnh Gia Lai.
 - Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có liên quan đến Quỹ Phát triển đất tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Tên gọi, trụ sở chính và vốn điều lệ

- Tên gọi
 - Tên tiếng Việt: Quỹ Phát triển đất tỉnh Gia Lai.
 - Tên giao dịch quốc tế: Gia Lai Land Development Fund
 - Tên viết tắt: GLLDF.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 368 đường Trần Hưng Đạo, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai (trụ sở của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai).
- Vốn điều lệ của Quỹ Phát triển đất tỉnh Gia Lai là **1.268.285.000.000 đồng** (bằng chữ: Một nghìn, hai trăm sáu mươi tám tỷ, hai trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Điều 3. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, chức năng, nguyên tắc hoạt động và người đại diện theo pháp luật

- Quỹ Phát triển đất tỉnh Gia Lai (sau đây gọi tắt là Quỹ) là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc UBND tỉnh, được thành lập theo Quyết định số 2153/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 của UBND tỉnh Gia Lai, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.
- Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ, được mở tài khoản tại kho bạc nhà nước và các ngân hàng thương mại có vốn chi

phối của nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3. Quỹ có chức năng tiếp nhận, huy động vốn theo quy định để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Điều 114 Luật Đất đai năm 2024, Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ Quy định về Quỹ phát triển đất và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn, bù đắp chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và không vì mục đích lợi nhuận.

5. Người đại diện theo pháp luật là Giám đốc Quỹ.

Chương II **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA QUỸ**

Điều 4. Nhiệm vụ của Quỹ

Nhiệm vụ của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn.
2. Thực hiện các nhiệm vụ ứng vốn theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; thực hiện thu hồi vốn ứng theo quy định.
3. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản, kế toán, kiểm toán và các quy định khác có liên quan.
4. Quyết định dừng, thu hồi vốn ứng khi phát hiện tổ chức được ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng hoặc chậm hoàn trả vốn ứng.
5. Kiểm tra việc sử dụng vốn và thu hồi vốn ứng theo quy định tại khoản 7 Điều 14 Điều lệ này; xác định, thu hồi chi phí quản lý vốn ứng theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này.
6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; báo cáo đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng vốn hoạt động của Quỹ theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.
7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 5. Quyền hạn của Quỹ

Quyền hạn của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.
2. Ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động của Quỹ.
3. Kiểm tra việc tuân thủ mục đích sử dụng vốn ứng của dự án, nhiệm vụ được Quỹ ứng vốn.

4. Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng, hoàn trả vốn ứng.

5. Các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương III **MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC**

Điều 6. Mô hình hoạt động

Quỹ hoạt động theo mô hình ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai quản lý Quỹ.

Điều 7. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm có:

1. Hội đồng quản lý: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các thành viên.
2. Ban kiểm soát: Trưởng ban và các thành viên.
3. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ là Cơ quan điều hành (Ban điều hành) của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai.

Điều 8. Hội đồng quản lý

Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 2 Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ, cụ thể:

1. Hội đồng quản lý Quỹ do UBND tỉnh thành lập, có 05 thành viên, gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các thành viên khác, trong đó:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản lý là đại diện Lãnh đạo UBND tỉnh.
- b) 01 Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý là Giám đốc Quỹ.
- c) 01 Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý là đại diện Lãnh đạo Sở Tài chính.
- d) Các thành viên khác của Hội đồng quản lý là đại diện Lãnh đạo các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường.
- đ) Thành viên của Hội đồng quản lý không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng.

2. Thành viên của Hội đồng quản lý hoạt động kiêm nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý

- a) Quản lý và sử dụng nguồn vốn của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật

và Điều lệ này; bảo toàn và phát triển vốn.

b) Ban hành hoặc sửa đổi quy chế, quy trình nghiệp vụ theo hướng dẫn của Chính phủ, các Bộ, ngành, Trung ương và theo yêu cầu quản lý của Quỹ; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản lý.

c) Giám sát, kiểm tra Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ trong việc chấp hành chính sách, pháp luật và việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý.

d) Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát; thông qua kế hoạch ứng vốn của Quỹ để trình UBND tỉnh phê duyệt.

đ) Trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

e) Quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh thành viên Ban kiểm soát Quỹ theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

g) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch UBND tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan.

h) Được sử dụng con dấu của Quỹ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý.

i) Thông qua dự toán, báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu, chi (nếu có) của Quỹ.

k) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

7. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý

a) Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ 2 lần/năm để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Khi cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát hoặc Giám đốc Quỹ sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

b) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Chủ trì cuộc họp là Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền.

c) Trường hợp không tổ chức họp, việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản lý được thực hiện bằng phiếu lấy ý kiến. Khi được lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý có trách nhiệm trả lời trên phiếu lấy ý kiến đảm bảo đúng thời hạn được đề nghị hoặc trong vòng 05 ngày làm việc nếu không quy định thời gian kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến.

d) Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu

quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý có hiệu lực khi có trên 50% trong tổng số thành viên Hội đồng quản lý biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng phiếu lấy ý kiến có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý (trong trường hợp biểu quyết tại cuộc họp).

đ) Các kết luận của Hội đồng quản lý được thể hiện bằng nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản lý.

e) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ được ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Giám đốc Quỹ xử lý một số công việc thuộc thẩm quyền, việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về các công việc được ủy quyền.

Điều 9. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Ban kiểm soát giúp UBND tỉnh và Hội đồng quản lý kiểm soát hoạt động của Quỹ.

2. Ban kiểm soát Quỹ có tối đa 03 thành viên, gồm: Trưởng Ban kiểm soát do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ; thành viên khác của Ban kiểm soát do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát và Giám đốc Quỹ. Thành viên Ban kiểm soát Quỹ hoạt động kiêm nhiệm.

3. Thành viên của Ban Kiểm soát không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chính sách pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, các quy chế, quy trình của Quỹ.

b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực của Hội đồng quản lý, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

c) Thẩm định báo cáo tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật.

d) Lập kế hoạch hoạt động, trình Hội đồng quản lý phê duyệt; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác kiểm tra, giám sát.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý và UBND tỉnh giao.

e) Trưởng Ban kiểm soát được tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết.

g) Ban kiểm soát được sử dụng con dấu của Quỹ để thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 10. Cơ quan điều hành nghiệp vụ

Cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ là cơ quan điều hành nghiệp vụ (Ban điều hành) của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai, gồm có: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng nghiệp vụ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

a) Giám đốc Quỹ là Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai.

Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ, UBND tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

b) Phó Giám đốc là Phó Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai.

Phó Giám đốc có nhiệm vụ giúp Giám đốc Quỹ điều hành hoạt động của Quỹ theo phân công và ủy quyền, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

c) Kế toán trưởng là Kế toán trưởng Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai.

Kế toán trưởng có nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán và các quy định của pháp luật có liên quan.

d) Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai phân công các phòng nghiệp vụ của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai thực hiện nhiệm vụ của Quỹ.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ thực hiện theo quy định hiện đang giữ chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan điều hành nghiệp vụ

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ, Điều lệ này, các quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Trình Hội đồng quản lý Quỹ ban hành hoặc sửa đổi quy chế, quy trình nghiệp vụ và các quy chế khác phục vụ hoạt động của Quỹ.

c) Tổng hợp, xây dựng Kế hoạch ứng vốn của Quỹ để trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Điều lệ này.

d) Trực tiếp quản lý nguồn vốn hoạt động, tài sản của Quỹ.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ, Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Cơ quan điều hành nghiệp vụ sử dụng con dấu của Quỹ để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ.

Chương IV **HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

Điều 11. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

Nguồn vốn hoạt động của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 2 Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ, cụ thể:

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ gồm:

a) Vốn điều lệ: Vốn điều lệ được cấp từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương và từ nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) của Quỹ sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật có liên quan. Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương; nguồn chênh lệch thu, chi của Quỹ, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức vốn điều lệ ban đầu, vốn điều lệ bổ sung cấp cho Quỹ.

b) Vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, gồm: Vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc cấp vốn điều lệ cho Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước áp dụng đối với quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

3. Vốn hoạt động của Quỹ được gửi tại Kho bạc Nhà nước Khu vực XV, các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn tỉnh bảo đảm an toàn, hiệu quả.

Quỹ mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước Khu vực XV, tài khoản thanh toán tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn tỉnh để quản lý vốn điều lệ của Quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ chỉ được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ, Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ và Điều lệ này. Trong thời gian tạm thời nhàn rỗi, chưa giải ngân vốn ứng cho các dự án, vốn điều lệ của Quỹ được gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn tỉnh, bảo đảm an toàn, hiệu quả và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của Quỹ.

Điều 12. Sử dụng vốn hoạt động của Quỹ

Sử dụng vốn hoạt động của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 2 Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ, cụ thể:

1. Vốn hoạt động của Quỹ được sử dụng để:

a) Ứng vốn cho chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị, tổ chức của Nhà nước thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở (trừ các dự án đầu tư bằng nguồn vốn không phải nguồn ngân sách nhà nước).

b) Ứng vốn cho đơn vị, tổ chức theo quy định của pháp luật về đất đai để tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư, tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất thu ngân sách nhà nước.

c) Ứng vốn cho tổ chức được giao thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Ứng vốn thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc ứng vốn từ Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Điều lệ này; việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ này.

Điều 13. Kế hoạch ứng vốn và điều kiện ứng vốn

Kế hoạch ứng vốn và điều kiện ứng vốn thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Kế hoạch ứng vốn

a) Thẩm quyền quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng vốn là UBND tỉnh.

b) Quy trình lập, tổng hợp, phê duyệt Kế hoạch ứng vốn:

- Trước ngày 30 tháng 11 hằng năm, các tổ chức ứng vốn gửi văn bản đăng ký nhu cầu ứng vốn Quỹ phát triển đất của năm sau hoặc giai đoạn sau gửi về Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ.

- Căn cứ nhu cầu ứng vốn của các tổ chức ứng vốn, tiến độ thực hiện dự án, khả năng cân đối nguồn vốn của Quỹ, Giám đốc Quỹ lập Kế hoạch ứng vốn năm sau báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ, trình UBND tỉnh phê duyệt trước ngày 31/12 hằng năm để các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan làm cơ sở triển khai thực hiện.

- Trường hợp trong năm nếu có phát sinh dự án, nhiệm vụ có nhu cầu ứng vốn nhưng chưa có trong Kế hoạch ứng vốn đã được phê duyệt thì việc lập và phê duyệt Kế hoạch ứng vốn bổ sung thực hiện như quy định nêu trên.

2. Điều kiện ứng vốn

- a) Có văn bản đề nghị ứng vốn của tổ chức được ứng vốn.
- b) Có trong Kế hoạch ứng vốn năm đã được UBND tỉnh phê duyệt.
- c) Dự án, nhiệm vụ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc giao thực hiện.
- d) Có phương án hoàn trả vốn ứng được đánh giá là rõ ràng, có tính thực thi cao. Trong đó, nội dung chính là phải xác định rõ nguồn, thời gian hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng.
- đ) Vốn hoạt động của Quỹ tại thời điểm ứng vốn đáp ứng được yêu cầu ứng vốn.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn

Thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Thẩm quyền quyết định ứng vốn

Căn cứ Kế hoạch ứng vốn đã được UBND tỉnh phê duyệt, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định ứng vốn cho tổ chức ứng vốn.

2. Trên cơ sở Kế hoạch ứng vốn đã được UBND tỉnh phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập 01 bộ hồ sơ đề nghị ứng vốn gửi Quỹ. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Đối với ứng vốn để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

- Văn bản đề nghị ứng vốn của tổ chức được ứng vốn (trong đó nêu rõ kế hoạch, tiến độ thực hiện khối lượng công việc; phương án hoàn trả vốn ứng; cam kết sử dụng vốn ứng đúng mục đích và hoàn trả vốn ứng đúng thời hạn): 01 bản chính.

- Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: 01 bản sao.

- Quyết định phê duyệt dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất (nếu có): 01 bản sao.

b) Đối với ứng vốn để tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư; tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước:

- Văn bản đề nghị ứng vốn của tổ chức được ứng vốn, trong đó nêu rõ kế hoạch, tiến độ thực hiện khối lượng công việc; phương án hoàn trả vốn ứng; cam kết sử dụng vốn ứng đúng mục đích và hoàn trả vốn ứng đúng thời hạn): 01 bản chính.

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (kèm theo hồ sơ dự án): 01 bản sao.

- Văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật đấu thầu (kèm theo Hợp

đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu): 01 bản sao.

c) Đối với ứng vốn để thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số:

- Văn bản đề nghị ứng vốn của tổ chức được ứng vốn (trong đó nêu rõ kế hoạch, tiến độ thực hiện khối lượng công việc; phương án hoàn trả vốn ứng; cam kết sử dụng vốn ứng đúng mục đích và hoàn trả vốn ứng đúng thời hạn): 01 bản chính.

- Phương án hỗ trợ đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số để thực hiện chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số được cấp có thẩm quyền phê duyệt: 01 bản sao.

- Quyết định diện tích giao đất, cho thuê đất để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định ứng vốn cho tổ chức được ứng vốn nếu đủ điều kiện hoặc có văn bản thông báo và trả lại hồ sơ cho tổ chức đề nghị ứng vốn nếu không đủ điều kiện theo quy định.

4. Căn cứ quyết định ứng vốn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ triển khai ký Hợp đồng ứng vốn với tổ chức được ứng vốn và thực hiện giải ngân vốn ứng theo quy định.

5. Việc giải ngân vốn ứng được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở tiến độ thực hiện và nhu cầu ứng vốn của từng dự án, nhiệm vụ. Trường hợp thực hiện ứng vốn nhiều lần cho cùng một dự án, nhiệm vụ thì tổ chức được ứng vốn có văn bản đề nghị ứng vốn và hồ sơ, tài liệu khác có liên quan đến việc ứng vốn theo từng lần.

6. Tổ chức được ứng vốn có trách nhiệm:

a) Sử dụng vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn ứng theo quy định của pháp luật hiện hành. Không sử dụng vốn ứng thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này để sử dụng vào mục đích khác.

b) Thực hiện trả chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này.

c) Thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ và thực hiện hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Điều 16 Điều lệ này.

7. Quỹ có trách nhiệm kiểm tra việc sử dụng vốn ứng từ Quỹ và thu hồi vốn

ứng theo quy định.

Điều 15. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ

Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 2 Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ, cụ thể:

1. Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ thực hiện theo Quyết định của UBND tỉnh. Mức chi phí quản lý vốn ứng được xác định theo mức tại thời điểm ban hành Quyết định ứng vốn lần đầu của từng dự án, nhiệm vụ, cố định trong cả quá trình ứng vốn và không tính theo thời gian ứng vốn.

2. Công thức xác định chi phí quản lý vốn ứng như sau:

$$\text{Chi phí quản lý vốn ứng} = \frac{\text{Tổng số tiền ứng vốn thực tế của từng dự án, từng nhiệm vụ (trên cơ sở Quyết định ứng vốn quy định tại khoản 1 Điều 14 Điều lệ này)}}{\text{Mức chi phí quản lý vốn ứng quy định tại khoản 1 Điều này}} \times$$

Việc chi trả chi phí quản lý vốn ứng được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở tiến độ bố trí vốn đầu tư của từng dự án, từng nhiệm vụ.

3. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ được tính trong chi phí khác thuộc tổng mức đầu tư của dự án, dự toán của nhiệm vụ.

Điều 16. Quy định về hoàn trả vốn ứng cho Quỹ

Việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 2 Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ, cụ thể:

1. Hoàn trả vốn ứng từ nguồn vốn của dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt:

a) Tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, gửi Kho bạc Nhà nước (nơi tổ chức được ứng vốn mở tài khoản). Hồ sơ gồm:

- Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính.

- Giấy rút vốn theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ: 02 bản chính và đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định.

- Quyết định ứng vốn từ Quỹ của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Điều lệ này: 01 bản sao.

- Quyết định giao kế hoạch vốn hằng năm của dự án (trong đó có số tiền hoàn trả vốn ứng cho Quỹ): 01 bản sao.

- Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ của cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc của cơ quan, người có thẩm quyền được giao làm chủ đầu tư dự án: 01 bản chính.

b) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ do tổ chức được ứng vốn gửi; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục giao dịch tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

c) Việc quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định của pháp luật về quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Hoàn trả vốn ứng trong trường hợp còn lại (không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này):

a) Căn cứ vào số tiền ứng vốn chưa hoàn trả cho Quỹ (bao gồm cả số tiền ứng vốn của kỳ trước nếu có), thời hạn ứng và phương án hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, tổ chức được ứng vốn báo cáo cấp có thẩm quyền của địa phương để bố trí trong dự toán ngân sách chi đầu tư phát triển khác của cấp tương ứng để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ.

b) Nguồn hoàn trả vốn ứng cho Quỹ được bố trí trong dự toán chi đầu tư phát triển khác. Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán ngân sách được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

c) Căn cứ dự toán ngân sách được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất gửi Kho bạc Nhà nước. Hồ sơ gồm:

- Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính.

- Giấy rút vốn theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ: 02 bản chính và đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định.

- Quyết định giao dự toán ngân sách của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao.

- Quyết định hoàn trả vốn ứng của cơ quan, người có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ: 01 bản chính.

d) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm c khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ; trường

hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục thực hiện giao dịch tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

đ) Tổ chức được ứng vốn thực hiện quyết toán số tiền hoàn trả vốn ứng cho Quỹ cùng với quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.

3. Số tiền thanh toán quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được hoàn trả vốn ứng cho Quỹ để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ ứng vốn quy định tại Điều lệ này, không được sử dụng vào mục đích khác.

4. Trường hợp số tiền đã ứng nhưng chưa sử dụng hết (nếu có) phải hoàn trả cho Quỹ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc sử dụng vốn ứng cho nội dung đã đề nghị nhưng không sử dụng hết.

5. Thời hạn hoàn trả vốn ứng

a) Thời hạn hoàn trả vốn ứng được xác định theo thời gian thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được ghi trong Hợp đồng ứng vốn. Trường hợp trong quyết định không có thời gian thực hiện dự án thì thời gian ứng vốn tối đa không quá 24 tháng kể từ ngày nhận vốn ứng gần nhất.

b) Trường hợp cần thiết do nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh, hoả hoạn, điều chỉnh thời gian thực hiện dự án của cấp có thẩm quyền...) cần phải gia hạn thời gian hoàn trả vốn ứng, trước khi đến hạn hoàn trả vốn ứng 15 ngày, các tổ chức ứng vốn có văn bản gửi Quỹ để Quỹ tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định. Hội đồng quản lý Quỹ cho phép gia hạn thời gian hoàn trả vốn ứng không quá 12 tháng. UBND tỉnh cho phép gia hạn thời gian hoàn trả vốn ứng từ 12 tháng trở lên.

Chương V

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, QUẢN LÝ TÀI SẢN, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

Điều 17. Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ

Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Chế độ tài chính (bao gồm cả các khoản phụ cấp Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ) và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ được áp dụng theo cơ chế của đơn vị sự nghiệp công lập. Các nội dung cụ thể liên quan đến chế độ tài chính của Quỹ được thực hiện theo Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ và Điều lệ này.

3. Đất trụ sở của Quỹ thực hiện theo chế độ sử dụng đất áp dụng đối với đơn

vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật đất đai.

Điều 18. Các khoản thu, chi của Quỹ

Các khoản thu chi của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 2 Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ, cụ thể:

1. Các khoản thu gồm:
 - a) Khoản thu từ chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này.
 - b) Lãi tiền gửi theo quy định của pháp luật.
 - c) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.
2. Các khoản chi gồm:
 - a) Chi phí ủy thác quản lý Quỹ. Mức chi phí ủy thác quản lý Quỹ được xác định bằng 50% khoản thu của Quỹ quy định tại khoản 1 Điều này.
 - b) Chi các khoản phụ cấp và các khoản chi khác cho các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Mức chi cụ thể thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ.
 - c) Các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.
 - d) Các khoản chi khác trực tiếp phục vụ cho hoạt động của Quỹ được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ.
3. Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ để làm căn cứ thực hiện, quản lý việc chi tiêu của Quỹ.
4. Không sử dụng vốn điều lệ của Quỹ để chi cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này. Chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định được bổ sung vốn điều lệ của Quỹ.
5. Quỹ có trách nhiệm quyết toán các khoản thu, chi của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Chế độ kế toán, báo cáo

Chế độ kế toán, báo cáo thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán áp dụng cho Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.
2. Hằng năm, Quỹ có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính năm của Quỹ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Báo cáo tài chính năm của Quỹ được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc

lập theo quy định của pháp luật. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ được thực hiện theo Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI **MỐI QUAN HỆ VÀ TRÁCH NHIỆM**

Điều 20. Mối quan hệ và trách nhiệm giữa Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Giám đốc Quỹ trong quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ; giữa Quỹ với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, tổ chức được ứng vốn, tổ chức nhận ủy thác Quỹ.

1. Mối quan hệ và trách nhiệm giữa Quỹ với UBND tỉnh:

a) Là mối quan hệ chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao thuộc chức năng nhiệm vụ và thẩm quyền của Quỹ.

b) Quỹ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ theo quy định.

2. Mối quan hệ và trách nhiệm giữa Quỹ với các sở, ban, ngành thuộc tỉnh:

a) Là mối quan hệ phối hợp thực hiện nhiệm vụ của mỗi bên trên tinh thần hợp tác nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

b) Quỹ có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của các cơ quan đơn vị có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Quỹ.

3. Mối quan hệ và trách nhiệm giữa Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Giám đốc Quỹ trong quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

a) Hội đồng quản lý Quỹ là đại diện của UBND tỉnh, được ủy quyền tổ chức thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu; quyết định và tổ chức thực hiện các nội dung theo Quy định tại khoản 3 Điều 8 Điều lệ này. Phương thức lãnh đạo bằng Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng quản lý hoặc ủy quyền cho Giám đốc Quỹ trong điều hành các nhiệm vụ cụ thể.

Giám đốc Quỹ phải thường xuyên báo cáo, xin ý kiến về các vấn đề cụ thể thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ. Tham mưu Hội đồng quản lý Quỹ chuẩn bị nội dung và tổ chức các phiên họp của Hội đồng quản lý Quỹ. Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Ban kiểm soát Quỹ giúp UBND tỉnh và Hội đồng quản lý kiểm soát hoạt động của Quỹ, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại khoản 4 Điều 9 Điều lệ này.

Giám đốc Quỹ phải cung cấp đầy đủ các báo cáo, hồ sơ, chứng từ theo quy định kịp thời theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Tổ chức thực hiện nghiêm túc các kiến nghị sau kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát Quỹ.

4. Mối quan hệ giữa Quỹ với các Tổ chức ứng vốn

Các Tổ chức ứng vốn được xem như khách hàng hay đối tượng phục vụ của Quỹ. Quỹ phải thường xuyên gắn kết, phổ biến thông tin kịp thời về các quy định, các cơ chế, chính sách, kế hoạch ứng vốn... để các Tổ chức được ứng vốn nắm biết, phối hợp thực hiện. Quá trình ứng vốn và thu hồi vốn ứng phải thực hiện theo đúng quy định trong Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan. Quan hệ giữa Quỹ với các Tổ chức ứng vốn phải được xác lập bằng Hợp đồng ứng vốn và gắn với việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện hợp đồng và sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả. Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý nếu phát hiện Tổ chức ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn và hoàn trả vốn ứng.

5. Mối quan hệ giữa Quỹ với Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai

a) Quỹ hoạt động theo mô hình ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai theo Quyết định số 2153/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ phát triển đất tỉnh Gia Lai.

b) Ban điều hành Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai có trách nhiệm tổ chức bộ máy quản lý, bố trí nhân sự để thực hiện hoạt động nhận ủy thác.

c) Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai chịu trách nhiệm về hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024, Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ và Quyết định số 2153/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 của UBND tỉnh, Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Quy định về chuyển tiếp

1. Đối với các khoản ứng vốn đã phát sinh đến trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định, Hợp đồng ứng vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trường hợp Quỹ đã ứng vốn theo đúng quy định của pháp luật để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tạo quỹ đất theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà đến thời điểm Điều lệ này có hiệu lực thi hành chưa hoàn thành việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ được xử lý như sau:

a) Đối với trường hợp đã xác định nguồn hoàn trả vốn ứng cho Quỹ từ nguồn vốn của dự án hoặc nguồn đã được xác định theo quy định thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ từ nguồn vốn của dự án thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Điều lệ này hoặc từ nguồn đã được xác định theo quy định.

b) Đối với trường hợp còn lại (không thuộc trường hợp quy định tại Điểm a khoản này) thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này.

3. Trường hợp Quỹ đã ứng vốn theo đúng quy định của pháp luật để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tạo quỹ đất theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà đến thời điểm Điều lệ này có hiệu lực thi hành còn đang thực hiện thì tiếp tục thực hiện ứng vốn theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành; việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động của Quỹ có trách nhiệm giúp UBND tỉnh chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng Quỹ đúng quy định, định kỳ báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tình hình quản lý, sử dụng Quỹ theo quy định.

2. UBND các phường, xã và các tổ chức, đơn vị ứng vốn có trách nhiệm phối hợp với Quỹ thực hiện nghiêm các quy định tại Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc bất cập, các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan kịp thời phản ánh bằng văn bản về Quỹ để tổng hợp, báo cáo Hội đồng quản Quỹ trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.